

Bản án số: 506/2021/DS - PT

Ngày: 31/12/2021

V/v: Tranh chấp chia thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa Ông Đỗ Minh Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Vũ Toàn Giang

Ông Đinh Như Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Ninh Việt Hoàng - Thư ký TAND TP Hà Nội.

- Đại diện VKSND TP Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hạnh –
Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2021/DSPT ngày 22/02/2021 về “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 80/2020/DS-ST ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân quận L, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 264/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D , sinh năm 1960. Trú tại: Số 10, ngõ 125 T, tổ dân phố S, phường T, quận L, Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị S , sinh năm 1953. Trú tại: Số 27, ngõ 280 C , tổ dân phố V, phường C2, quận L, Hà Nội. Có mặt;

2.2. Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1958. Trú tại: Số 9, hẻm 123/47/7, tổ dân phố S, phường T, quận L, Hà Nội. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà H , bà S là chị Hoàng Thị Như Ng , sinh năm 1981. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Đ , sinh năm 1944. Trú tại: Số 15, ngõ 351/12 T, TDP Đình, phường T, quận L, Hà Nội. Có mặt. *Đại diện theo ủy quyền* của bà Đ là chị Hoàng Thị Như Ng , sinh năm 1981. Có mặt

3.2. Bà Nguyễn Thị M , sinh năm 1949. Trú tại: Tổ dân phố H , phường T, quận L, Hà Nội. *Đại diện theo ủy quyền* là ông Nguyễn Văn D . Có mặt;

3.3. Bà Lê Thị N , sinh năm 1960;

3.4. Anh Nguyễn Văn Q , sinh năm 1982. *Đại diện theo ủy quyền* là ông

Nguyễn Văn D . Có mặt;

3.5. Chị Dương Thị N , sinh năm 1984. *Đại diện theo ủy quyền* là ông Nguyễn Văn D . Có mặt;

3.6. Anh Nguyễn Thanh T , sinh năm 1984;

3.7. Chị Nguyễn Thúy H , sinh năm 1985;

3.8. Anh Nguyễn Văn H , sinh năm 1990;

3.9. Chị Vũ Thị L , sinh năm 1993;

Cùng trú tại: Số 10 ngõ 125 đường T, tổ dân phố S, phường T, quận L, Hà Nội.

3.10. Chị Nguyễn Thị Đ , sinh năm 1987. Trú tại: Xã Phú C , huyện Sóc S , Hà Nội. *Đại diện theo ủy quyền* là ông Nguyễn Văn D . Có mặt;

Bà N ; các anh Q , T, H và các chị N, H, L,Đ cùng vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo:

4.1. Bà Nguyễn Thị S , bà Nguyễn Thị H là bị đơn. Có mặt;

4.2. Bà Nguyễn Thị Đ , bà Lê Thị N ; các anh: Nguyễn Văn Q , Nguyễn Thanh T , Nguyễn Văn H và các chị: Dương Thị N , Nguyễn Thúy H , Vũ Thị L , Nguyễn Thị Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Có mặt bà Đ và người đại diện theo ủy quyền.

- Bà N ; các anh Q , T, H và các chị N, H, L, Đ cùng vắng mặt; đều có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo và xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Hồ sơ vụ án sơ thẩm:

1. Nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ huyết thống: Bố mẹ ông D là cụ Nguyễn Văn Đ chết năm 2008 không để lại di chúc và cụ Nguyễn Thị Đức chết năm 2016, trước khi chết ngày 28/8/2015 cụ Đ đã lập di chúc số công chứng 1070.2015 quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD tại văn phòng công chứng V ; với nội dung: Cụ Đ để lại phần tài sản của cụ cho trong khối tài sản chung vợ chồng với cụ Đ và kỹ phần cụ được hưởng thừa kế từ cụ Đ cho ông D , có sự chứng kiến của bà Lê Thị Q và ông Nguyễn Văn V . Cụ Đ và cụ Đ có năm người con là bà Nguyễn Thị Đ , bà Nguyễn Thị M , bà Nguyễn Thị S , bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn D .

Về di sản của cụ Đ , cụ Đ để lại, gồm: Quyền sử dụng 338m² đất và năm gian nhà cấp 4 lợp ngói, đã xuống cấp. Quá trình sử dụng, ông D đã sửa lại nhà và lợp lại mái tôn nhà cấp 4, xây một nhà mái bằng diện tích 73m². Ngày 01/8/2001, nhà đất trên đã được UBND huyện Từ Liêm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U762169 (*Sau đây viết tắt là: GCNQSDĐ số U762169*) cho hộ gia đình cụ Nguyễn Văn Đ . Thời điểm cấp GCNQSDĐ số U762169, hộ gia đình gồm có: Cụ Đ , cụ Đức, ông D , Bà N ; các anh: Quỳnh, Hưng, Tùng và chị Nguyễn Thị Đ . Hiện có ông D , Bà N và các con của ông D - Bà N gồm: Anh Q và vợ là chị

Dương Thị N ; anh T và vợ là Nguyễn Thúy H ; anh H và vợ là Vũ Thị L cùng sinh sống tại nhà đất kể trên.

Ông D yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ Đ để lại và chia phần di sản của cụ Đ để lại theo di chúc ngày 28/8/2015; chia Quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ số U762169 cho các thành viên trong hộ gia đình ông theo pháp luật. Ông đề nghị được nhận toàn bộ nhà đất và thanh toán cho các kỹ phần thừa kế khác bằng tiền.

2. Bị đơn là bà S và bà H thống nhất trình bày:

Ông D trình bày về quan hệ huyết thống, thời điểm cụ Đ , cụ Đ chết; trước khi chết hai cụ để lại 338m² đất và năm gian nhà cấp 4 lợp ngói là đúng.

Bổ sung thêm: Hai cụ còn để lại 685m² đất nông nghiệp tại T đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên hộ gia đình cụ Đ . Hiện do ông D quản lí. Tuy nhiên, các bà không yêu cầu Tòa án giải quyết với khối di sản này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông D : Các bà không đồng ý; theo các bà di chúc của cụ Đ để lại không có hiệu lực pháp luật. Đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của hai cụ để lại bằng hiện vật theo pháp luật.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đ , bà S và đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Nhất trí với toàn bộ nội dung ý kiến của bà H , bà S đã trình bày trên, không bổ sung gì thêm và không có yêu cầu độc lập.

3.2. Bà M do ông D là đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Nhất trí với toàn bộ nội dung ý kiến của ông D đã trình bày trên, không bổ sung gì thêm và không có yêu cầu độc lập.

3.3. Bà Lê Thị N trình bày:

Bà là vợ ông D . Bà nhất trí với các nội dung như ông D đã trình bày. Đối với 685m² đất nông nghiệp tại T theo; GCNQSDĐ số 0040.QSDĐ do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 17/8/2000 đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ như các bị đơn nêu thì trước khi cụ Đ chết, Nhà nước đã thu hồi hai thửa diện tích 235m² và 75m². Nhà nước đã chi trả tiền bồi thường cho cụ Đ hơn 500 triệu đồng (Bà H , bà S là người lĩnh tiền), năm người con của các cụ được chia một nửa, cụ Đ giữ một nửa là hơn 250 triệu đồng (Số tiền này vợ chồng ông D dùng để chăm sóc, ma chay cho cụ Đức). Năm 2018, nhà nước lấy 56,9m², được bồi thường tiền đất là 14.300.000 đồng, sau đó thu hồi tiếp 0,2m² đất thổ cư, được bồi thường hơn 2 triệu đồng thì ông D nhận số tiền này. Bà N nhất trí với yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của ông D .

3.4. Các anh Q, T, H và chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Các anh chị là con của ông D và Bà N , là cháu của cụ Đ , cụ Đức. nhất trí với toàn bộ nội dung mà ông D , Bà N đã trình bày.

Các anh chị có ý kiến bổ sung: Thừa đất hiện nay gia đình ông D và các con đang sinh sống đã được cấp GCNQSDĐ số U762169 cho hộ gia đình cụ Đ trong đó có phần của anh chị; các anh chị có đóng góp công sức trong việc xây dựng, cải

tạo các ngôi nhà trên đất. Các anh chị đề nghị Tòa án khi chia thừa kế thì bảo vệ quyền lợi cho các anh chị.

3.5. Các chị N, H, L trình bày:

Các chị là con dâu của ông D và Bà N, đang ở trên đất có tranh chấp thừa kế. Các chị nhất trí với ý kiến của ông D, Bà N; các Q, T, H và chị Đ đã trình bày; không bổ sung gì thêm; đề nghị Tòa án xét xử và giải quyết vụ án vắng mặt các chị.

Bản án dân sự sơ thẩm số **80/2020/DS-ST** ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân quận L, Thành phố Hà Nội. Quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Đ theo pháp luật và chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Đức theo Di chúc lập ngày 28/8/2015, do Công chứng viên Trần Thị Minh Hương – Văn phòng công chứng V, Thành phố Hà Nội chứng nhận – Số CC 1070.2015, Quyển số: 04TP/CC SCC/HĐGD.

2. Thời điểm mở thừa kế thứ nhất là năm 2006 khi cụ Đ chết, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ gồm: Cụ Đức, Bà Đ, bà M, bà H, bà S và ông D. Thời điểm mở thừa kế thứ nhất là năm 2016 khi cụ Đ chết, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ gồm: Bà Đ, bà M, bà H, bà S và ông D.

3. Di sản thừa kế của cụ Đ, cụ Đ gồm: Quyền sử dụng thửa đất $250,7m^2 = 5.264.700.000$ đồng; Giá trị bất động sản trên đất $140.392.500$ đồng và tiền bồi thường quyền sử dụng $0,2m^2$ đất là $2.607.800$ đồng. Tổng cộng là: $5.307.700.300$ đồng. Thanh toán tài sản chung của hai cụ là $5.307.700.300$ đồng/2, phần của mỗi cụ là: $2.653.850.150$ đồng.

4. Xác định $100m^2$ thuộc thửa đất 31, tờ bản đồ: 7 có diện tích $350,7m^2$ tại phường T, quận L, Thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng đất của ông D.

5. Xác định các bất động sản trên đất bao gồm nhà cấp 4, nhà mái bằng, công trình phụ... có tổng giá trị: $524.132.180$ đồng là tài sản chung của hộ gia đình cụ Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Đức, ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị N, các anh Nguyễn Văn Tùng, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị Nét. Kí phần của mỗi người là $65.516.500$ đồng. Giá trị quyền sở hữu nhà sau khi thanh toán cho khối di sản của cụ Đ, cụ Đ còn là $524.132.180$ đồng - $140.392.500$ đồng = $383.739.680$ đồng thuộc sở hữu chung của ông D, Bà N, anh Q, anh Tùng, anh Hưng, chị Diệp.

6. Chia cho ông D được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số thửa đất 31, tờ bản đồ: 7 có diện tích $350,7m^2$ tại phường T, quận L, Thành phố Hà Nội. So với kí phần được hưởng, ông D phải thanh toán chênh lệch cho Bà Đ, Mirt, Hoa, Sen mỗi người số tiền là $442.091.041$ đồng.

7. Không chấp nhận các yêu cầu khác của các đương sự.

8. Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U762168, .. do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 01/8/2001 đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ theo quyết định của Tòa án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về: Nghĩa vụ do chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án; án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý bản án sơ thẩm,

+ Bà S , bà H là bị đơn và bà Đ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm xác định di chúc của cụ Đ không hợp pháp, không có giá trị pháp lý; chia thừa kế di sản của cụ Đ theo pháp luật và chia bằng hiện vật.

+ Bà N ; các anh Q , H, T và các chị Đi, N, H, L là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn cùng kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo GCNQSDĐ số U762169 do UBND huyện Từ Liêm cấp cho hộ gia đình cụ Nguyễn Văn Đ nên ông D , Bà N , các anh Q , Hưng, Tùng và chị Diệp là các đồng chủ sử dụng đất. Gia đình ông D có công tôn tạo, quản lý thửa đất và các tài sản trên đất. Do đó, di sản thừa kế của cụ Đ chỉ là một phần quyền sử dụng đất tương đương với các đồng chủ sử dụng khác chứ không phải 1/2 diện tích thửa đất như bản án sơ thẩm xác định.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, theo yêu cầu của các đương sự. Cấp phúc thẩm tiến hành xem xét thẩm định lại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 7; GCNQSDĐ số U762169. Kết quả đo đạc thể hiện: Diện tích thửa đất đo thực tế là 356,6 m². Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và xác minh, UBND phường T cung cấp: Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 7 mà ông D đang quản lý, sử dụng nằm toàn bộ trong khuôn viên thửa đất mà gia đình cụ Đ sử dụng từ trước đến nay, không có tranh chấp ranh giới với các hộ liền kề, không phát hiện lấn chiếm đất công. Các đương sự xác định việc chênh lệch diện tích so với GCNQSDĐ là do cách đo đạc của từng thời kỳ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có mặt gồm: Nguyên đơn là ông D ; bị đơn là Bà S , bà H ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà M , Bà Đ ; chị Ngọc là đại diện theo uỷ quyền của Bà Đ , bà S và bà H xuất trình, nộp tại phiên tòa Biên bản Hợp gia đình ngày 12/12/2021 với các nội dung:

- Di sản thừa kế do cụ Đ và cụ Đ để lại gồm: Quyền sử dụng 356,6 m² đất tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 7; GCNQSDĐ số U762169 do UBND huyện Từ Liêm cấp cho hộ gia đình cụ Nguyễn Văn Đ và tài sản gắn liền trên đất.

- Bản di chúc ngày 28/8/2015 của cụ Đ là hợp pháp. Di sản thừa kế của cụ Đ trong khối di sản thừa kế (*bao gồm phần riêng của cụ Đ và kỹ phần cụ được hưởng thừa kế từ cụ Đ*) là quyền sử dụng 178,3m² đất và các tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 31, tờ bản đồ số 7 được phân chia cho ông D theo di chúc ngày 28/8/2015.

- Công sức quản lý, duy trì tôn tạo đóng góp của gia đình ông D gồm: Vợ chồng ông D - Bà N và các con là các anh Q , H, T và các chị Đi, N, H, L tương ứng quyền sử dụng 43m² đất thuộc thửa đất số 31. Cả gia đình ông D thỏa thuận giao phần giá trị công sức duy trì này cho ông D .

Cùng thỏa thuận tự phân chia di sản:

- Ông D được quyền sử dụng 221,3 m² và các tài sản gắn liền trên đất (gồm 178,3 m² hưởng theo di chúc và 43 m² công sức quản lý, duy trì tôn tạo di sản của gia đình ông D), được giới hạn bởi các điểm 2,3,4,5,6,7,8,9,2 theo sơ đồ kỹ thuật thửa đất kèm theo Biên bản họp gia đình ngày 12/12/2021.

- Ông D và các Bà Đ, Mút, Sen, Hoa là đồng chủ sử dụng 135,3 m² đất và sở hữu chung các tài sản gắn liền trên đất, được giới hạn bởi các điểm 1,2,9,10,1 theo sơ đồ kỹ thuật thửa đất kèm theo Biên bản họp gia đình ngày 12/12/2021.

Các đương sự không phải thanh toán bù trừ chênh lệch cho nhau và có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được chia.

Ông D nộp đơn của Bà N (vợ ông) và các con là các anh Q, H, T; các chị Đ, N, H, L về việc xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, xin xét xử vắng mặt và nhất trí với toàn bộ nội dung thỏa thuận tại biên bản họp gia đình ngày 12/12/2021.

Ông D; Bà S, bà H; bà M, bà Đ và bà Ngọc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ nội dung các đương sự đã thỏa thuận tại Biên bản họp gia đình ngày 12/12/2021.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do Bà N; các anh Q, H, T và các chị Đ, N, H, L đã xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và áp dụng điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của họ.

+ Về nội dung: Các đương sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án là tự nguyện; không trái với quy định pháp luật và đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung thỏa thuận của các đương sự và sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận thỏa thuận của các đương sự.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự xuất trình và Tòa án thu thập được. Căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Người kháng cáo nộp đơn kháng cáo và nộp Biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định.

- Các đương sự đã ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Hồng Nhung nay đề nghị chấm dứt ủy quyền cho bà Nhung là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Các đương sự xin xét xử vắng mặt được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và tiến hành phiên tòa vắng mặt họ.

- Bà N; các anh Q, H, T và các chị Đ, N, H, L là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án giải

quyết vắng mặt họ là tự nguyện và không trái với pháp luật và phù hợp với đạo đức xã hội được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và áp dụng điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của: Bà N ; các anh Q , Hưng, Tùng và các chị Điệp, Nết, Hằng, Lan.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối với kháng cáo của: Bà S , bà H là bị đơn và bà Đ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn. Tại phiên toà phúc thẩm, những người có mặt gồm: Ông D là nguyên đơn; Bà S , bà H là bị đơn; Bà M (*đại diện theo uỷ quyền là ông D*), bà Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; chị Ngọc là đại diện theo uỷ quyền của các Bà Đ , Sen, Hoa cùng trình bày: Tất cả các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án theo “Biên bản họp gia đình ngày 12/12/2021”. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà đều có văn bản nhất trí toàn bộ nội dung đã thoả thuận tại “Biên bản họp gia đình ngày 12/12/2021”.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

- Các đương sự thoả thuận được với nhau về cách giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm pháp luật, phù hợp đạo đức xã hội.
- Quan điểm điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật.
- Áp dụng Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số **80/2020/DS-ST** ngày 23/11/2021 của TAND quận L theo hướng công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

[3]. Về án phí:

Ông D và các bà M , Sen, Hoa, Đường, Như là người cao tuổi, có yêu cầu xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự. Hoàn trả ông D tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông đã nộp.

Bà N ; các anh Q , H, T và các chị Đi, N, H, Lkhông phải chịu án phí phúc thẩm. Được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp.

Bởi các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều: 147, 148; điểm b khoản 1 Điều 289; Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều: 632, 633, 634, 635, 645, 646, 648, 651, 653, 660, 666, 675, 676, 683, 684 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Xử:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 80/2020/DS-ST ngày 23/11/2021 của TAND quận L, Thành phố Hà Nội theo hướng: Công nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo mà các đương sự đã rút kháng cáo. Cụ thể:

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Đ theo pháp luật và chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Đức theo Di chúc lập ngày 28/8/2015.

1. Xác định cụ Nguyễn Văn Đ chết ngày 23/7/2008 không để lại di chúc. Thời điểm mở thừa kế của cụ Đ là khi cụ chết, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ gồm: Cụ Nguyễn Thị Đức; các bà Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn D;

2. Xác định cụ Nguyễn Thị Đức chết ngày 09/5/2016 có để lại bản di chúc ngày 28/8/2015 số công chứng 1070.2015 quyền số 04 TP/CC -SCC/HĐGD tại văn phòng công chứng V có hiệu lực pháp luật. Thời điểm mở thừa kế của cụ Đ là khi cụ chết; người được hưởng thừa kế di sản theo di chúc ngày 28/8/2015 của cụ Đ là ông Nguyễn Văn D.

3. Xác nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Nguyễn Thị Đức để lại gồm: Quyền sử dụng 356,6 m² đất (*theo sơ đồ kỹ thuật thửa đất kèm theo biên bản họp gia đình ngày 12/12/2021*) thuộc thửa đất số 31, tờ bản đồ số 7; GCNQSDĐ số U762169 do UBND huyện Từ Liêm cấp cho hộ gia đình cụ Nguyễn Văn Đ và năm gian nhà cấp 4 lợp ngói tại địa chỉ: Phường T, quận L, Thành phố Hà Nội.

3.1. Xác định phần di sản của cụ Nguyễn Văn Đ để lại là quyền sử dụng, sở hữu 135,3 m² đất và toàn bộ các tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 31, tờ bản đồ số 7; GCNQSDĐ số U762169 do UBND huyện Từ Liêm cấp cho hộ gia đình cụ Nguyễn Văn Đ tại địa chỉ: Phường T, quận L, Thành phố Hà Nội.

3.2. Xác định phần di sản của cụ Nguyễn Thị Đức để lại là quyền sử dụng, sở hữu 178,3 m² đất và toàn bộ các tài sản gắn liền trên đất (*bao gồm phần riêng của cụ Đ và kỹ phần cụ được hưởng thừa kế từ cụ Đ*) thuộc thửa đất số 31, tờ bản đồ số 7; GCNQSDĐ số U762169 do UBND huyện Từ Liêm cấp cho hộ gia đình cụ Nguyễn Văn Đ tại địa chỉ: Phường T, quận L, Thành phố Hà Nội.

3.3. Xác định công sức quản lý, tôn tạo, duy trì khối di sản của cụ Đức, cụ Đ để lại của gia đình ông Nguyễn Văn D tương ứng quyền sử dụng, sở hữu 43m² đất và các tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 31, tờ bản đồ số 7; GCNQSDĐ số U762169 do UBND huyện Từ Liêm cấp cho hộ gia đình cụ Nguyễn Văn Đ tại địa chỉ: Phường T, quận L, Thành phố Hà Nội. Ghi nhận sự thỏa thuận của các thành viên thuộc gia đình ông D gồm: Vợ chồng ông D - Bà N và các con là các anh Q, H, T và các chị Đ, N, H, L tự nguyện giao cho ông Nguyễn Văn D được hưởng phần công sức duy trì này.

4. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc phân chia di sản thừa kế do cụ Đ – cụ Đ để lại theo Biên bản họp gia đình ngày 12/12/2021 như sau:

4.1. Chia (giao) cho ông Nguyễn Văn D được quyền sử dụng 221,3 m² đất và sở hữu toàn bộ các tài sản gắn liền trên đất (*Bao gồm phần ông D được hưởng thừa kế theo di chúc ngày 28/8/2015 và phần công sức quản lý, duy trì tôn tạo khối*

di sản của gia đình ông) được giới hạn bởi các điểm 2,3,4,5,6,7,8,9,2 tại sơ đồ kỹ thuật thửa đất kèm theo bản án.

4.2. Chia (giao) cho ông Nguyễn Văn D và các bà Nguyễn Thị Đ , Nguyễn Thị M , Nguyễn Thị S , Nguyễn Thị H được quyền sử dụng chung 135,3 m² đất và sở hữu chung toàn bộ các tài sản gắn liền trên đất được giới hạn bởi các điểm 1,2,9,10,1 tại sơ đồ kỹ thuật thửa đất kèm theo bản án.

5. Các đương sự được chia (giao) quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản tại điểm 4.1; điểm 4.2 khoản 4 Quyết định bản án có quyền và nghĩa vụ chủ động liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản đối với phần di sản được phân chia (giao) theo quyết định của bản án và theo quy định pháp luật.

Khi có yêu cầu: Người đang quản lý GCNQSDĐ số U762169 có nghĩa vụ giao lại cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp mới hoặc điều chỉnh lại tên chủ sử dụng, chủ sở hữu theo Quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật. Trường hợp người đang quản lý không giao hoặc không thể giao lại được thì Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo Luật thi hành án dân sự và Nghị định hướng dẫn Luật thi hành án dân sự của Chính phủ.

6. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của các đương sự gồm: Bà Lê Thị N ; các anh Nguyễn Văn Q , Nguyễn Văn H , Nguyễn Thanh T và các chị Nguyễn Thị Đ , Dương Thị N , Nguyễn Thúy H , Vũ Thị L

7. Về án phí:

7.1. Miễn toàn bộ án phí dân sự cho các bà: Nguyễn Thị Đ , Nguyễn Thị M , Nguyễn Thị S , Nguyễn Thị H , Lê Thị N và ông Nguyễn Văn D .

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn D 36.500.000 (*Ba mươi sáu triệu, năm trăm nghìn*) đồng, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3238 ngày 04/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L, Thành phố Hà Nội.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ , bà Nguyễn Thị S , bà Nguyễn Thị H mỗi người 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án các số: 4069; 4070; 4071 cùng ngày 10/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L, Thành phố Hà Nội.

7.2. Bà Lê Thị N ; các anh Nguyễn Văn Q , Nguyễn Văn H , Nguyễn Thanh T và các chị Nguyễn Thị Đ , Dương Thị N , Nguyễn Thúy H , Vũ Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả bà Lê Thị N ; các anh: Nguyễn Văn Q , Nguyễn Văn H , Nguyễn Thanh T và các chị: Nguyễn Thị Đ , Dương Thị N , Nguyễn Thúy H , Vũ Thị L số tiền 2.400.000 (*Hai triệu bốn trăm nghìn*) đồng, tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 4066 ngày 09/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải

thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND TP Hà Nội;
- TAND quận L;
- Chi Cục THADS quận L;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐỖ MINH HOÀNG